TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
447	20810310343	GIANG ỨNG	HÙNG	18/02/2002	D15CNPM3	3.58	80		Giỏi	18	18	8,750,000	
448	20810310460	NGUYỄN THỊ	NGÀ	02/12/2002	D15CNPM5	3.58	88		Giỏi	18	18	8,750,000	
449	20810170364	DƯƠNG ĐỨC	HOÀNG	11/03/2002	D15DCN&DD2	3.48	87		Giỏi	22	22	8,750,000	
450	20810160455	LƯU HỮU	HUY	12/08/2002	D15DCN&DD2	3.47	82		Giỏi	19	19	8,750,000	
451	20810160425	NGUYỄN VĂN	QUANG	03/10/2002	D15DCN&DD2	3.42	85		Giỏi	19	19	8,750,000	
452	20810110225	NGUYỄN NHƯ	NAM	10/09/2002	D15DCN&DD1	3.32	89		Giỏi	19	19	8,750,000	
453	20810160548	VŨ NGỌC	HUY	09/09/2002	D15DCN&DD1	3.26	89		Giỏi	19	19	8,750,000	
454	20810110182	TRẦN VĂN	HÙNG	09/01/2002	D15DCN&DD1	3.05	89		Khá	19	19	7,950,000	
455	20810160458	NGUYỄN NGỌC	ĐẠT	29/08/2002	D15DCN&DD2	2.97	87		Khá	19	19	7,950,000	
456	20810160470	LÊ ĐỨC	VINH	25/08/2002	D15DCN&DD2	2.97	83		Khá	19	19	7,950,000	
457	20810420004	NGUYỄN DUY	KHÁNH	27/06/2002	D15H4	3.71	87		Giỏi	17	17	8,750,000	
458	20810170353	NGUYỄN ĐÌNH	HOÀNG	26/07/2002	D15H6	3.53	87		Giỏi	17	17	8,750,000	
459	20810160507	NGUYỄN XUÂN	CHÚC	11/06/2002	D15H2	3.53	85		Giỏi	17	17	8,750,000	
460	20810420107	HOÀNG TIẾN	MẠNH	22/04/2002	D15H5	3.41	92		Giỏi	17	17	8,750,000	
461	20810420039	PHẠM BÙI QUỲNH	ANH	28/06/2002	D15H4	3.41	91		Giỏi	17	17	8,750,000	
462	20810170363	TRẦN HẢI	YẾN	13/10/2002	D15H6	3.38	92		Giỏi	17	17	8,750,000	
463	20810110286	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	14/09/2002	D15H3	3.35	95		Giỏi	17	17	8,750,000	
464	20810160531	ĐỖ TRUNG	HIẾU	23/06/2002	D15H6	3.35	89		Giỏi	17	17	8,750,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
465	20810420012	NGUYỄN TUẤN	NGỌC	10/07/2001	D15H4	3.32	83		Giỏi	17	17	8,750,000	
466	20810110265	LÊ ĐÌNH	PHƯƠNG	27/12/2002	D15H3	3.29	86		Giỏi	17	17	8,750,000	
467	20810420113	LÊ TIẾN	ĐỨC	11/12/2002	D15H5	3.29	89		Giỏi	17	17	8,750,000	
468	20810160520	HỒ THỊ HƯƠNG	GIANG	25/03/2002	D15H6	3.29	89		Giỏi	17	17	8,750,000	
469	20810110200	PHẠM TÙNG	ANH	19/09/2002	D15H2	3.26	92		Giỏi	17	17	8,750,000	
470	20810110155	PHÙNG ANH	TUẤN	06/06/2002	D15H1	3.25	84		Giỏi	20	20	8,750,000	
471	20810110180	ĐỖ XUÂN	HÀ	08/07/2002	D15H1	3.25	81		Giỏi	18	18	8,750,000	
472	20810170410	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	06/07/2002	D15H6	3.21	88		Giỏi	17	17	8,750,000	
473	20810170327	NGUYỄN HÀN SINH	LONG	02/05/2002	D15H6	3.21	99		Giỏi	17	17	8,750,000	
474	20810420002	NGUYỄN TUẤN	ANH	13/10/2002	D15H4	3.12	97		Khá	17	17	7,950,000	
475	20810420019	LÊ MINH	ÁNH	19/07/2002	D15H4	3.12	85		Khá	17	17	7,950,000	
476	20810110257	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	17/09/2002	D15H3	3.12	87		Khá	17	17	7,950,000	
477	20810110173	NGUYỄN VIỆT	DŨNG	09/10/2002	D15H1	3.09	92		Khá	17	17	7,950,000	
478	20810110175	NGÔ VĂN	DUY	13/03/2002	D15H1	2.97	82		Khá	17	17	7,950,000	
479	20810170326	NGUYỄN VĂN HÙNG	MẠNH	02/07/2002	D15H6	2.97	81		Khá	17	17	7,950,000	
480	20810170325	NGUYỄN HÀN SINH	NGỌC	02/05/2002	D15H6	2.97	97		Khá	17	17	7,950,000	
481	20810410081	VŨ PHAN	ANH	24/01/2002	D15TDH&DKTBCN 2	3.47	91		Giỏi	16	16	8,750,000	
482	20810430261	PHẠM HỮU	TRƯỜNG	24/09/2002	D15TDH&DKTBCN 5	3.44	88		Giỏi	16	16	8,750,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
483	20810410094	NGUYỄN QUANG	LINH	08/09/2002	D15TDH&DKTBCN 2	3.38	88		Giỏi	16	16	8,750,000	
484	20810410119	NGUYỄN VĂN	NINH	07/03/2002	D15TDH&DKTBCN 2	3.38	91		Giỏi	16	16	8,750,000	
485	20810410109	ĐẶNG ĐỨC	TÍN	16/09/2002	D15TDH&DKTBCN 2	3.34	91		Giỏi	16	16	8,750,000	
486	20810410006	NGUYỄN VĂN	TUYỂN	16/08/2002	D15TDH&DKTBCN 1	3.31	84		Giỏi	16	16	8,750,000	
487	20810430317	ĐỖ TRÁNG	ĐỨC	15/09/2002	D15TDH&DKTBCN 1	3.25	89		Giỏi	16	16	8,750,000	
488	20810430375	NGUYỄN ĐÌNH	HIẾU	28/01/2002	D15TDH&DKTBCN 4	3.22	85		Giỏi	16	16	8,750,000	
489	20810430121	PHẠM TUẤN	ANH	10/11/1998	D15TDH&DKTBCN 3	3.19	83		Khá	16	16	7,950,000	
490	20810430365	CHU ĐÌNH	CHIỀU	26/03/2002	D15TDH&DKTBCN 4	3.19	85		Khá	16	16	7,950,000	
491	20810430371	LÊ HOÀNG	ANH	22/09/2002	D15TDH&DKTBCN 4	3	83		Khá	16	16	7,950,000	
492	20810430362	VŨ NHẬT	LINH	12/04/2002	D15TDH&DKTBCN 2	3	91		Khá	16	16	7,950,000	
493	20810430298	PHẠM VIỆT	HOÀNG	19/11/2002	D15TDH&DKTBCN 5	2.94	84		Khá	16	16	7,950,000	
494	20810430302	HOÀNG VIỆT	HẢI	20/06/2002	D15TDH&DKTBCN 1	2.94	89		Khá	16	16	7,950,000	
495	20810430320	NGUYỄN VĂN	NAM	08/06/2001	D15TDH&DKTBCN 2	2.94	90		Khá	16	16	7,950,000	
496	20810430268	VŨ TIẾN	MẠNH	01/10/2002	D15TDH&DKTBCN 5	2.94	86		Khá	16	16	7,950,000	
497	20810430252	PHẠM CÔNG HUY	DU	07/09/2002	D15TDH&DKTBCN 5	2.88	81		Khá	16	16	7,950,000	
498	20810430361	ĐÀO XUÂN	LƯƠNG	04/05/2001	D15TDH&DKTBCN 2	2.88	91		Khá	16	16	7,950,000	
499	20810430164	NGUYỄN VĂN	THI	27/08/2002	D15TDH&DKTBCN 3	2.84	87		Khá	16	16	7,950,000	
500	20810430138	TRỊNH DƯƠNG	THỌ	04/09/2002	D15TDH&DKTBCN 3	2.81	85		Khá	16	16	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
501	20810430211	TRIỆU QUỐC	KHÁNH	08/02/2002	D15TDH&DKTBCN 4	2.75	87		Khá	16	16	7,950,000	
502	20810430410	PHẠM VĂN	DŨNG	26/01/2002	D15TDH&DKTBCN 4	2.75	85		Khá	16	16	7,950,000	
503	20810410113	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	18/10/2002	D15TDH&DKTBCN 2	2.72	91		Khá	16	16	7,950,000	
504	20810170361	LÊ VĂN	ĐIỀN	08/11/2001	D15TDHHTD1	3.75	83		Giỏi	20	20	8,750,000	
505	20810420037	NGUYỄN LÊ KHÁNH	HÒA	15/05/2002	D15TDHHTD1	3.24	81		Giỏi	17	17	8,750,000	
506	20810160472	ĐINH GIA	DIỄN	01/03/2002	D15TDHHTD2	3.09	90		Khá	17	17	7,950,000	
507	20810170337	NGÔ NGỌC	TRIỀU	23/03/2002	D15TDHHTD2	3.03	90		Khá	17	17	7,950,000	
508	20810110262	NGUYỄN VĂN	THÁI	21/10/2002	D15TDHHTD1	3.18	80		Khá	17	17	7,950,000	
509	20810160459	VŨ VĂN	NINH	04/12/2002	D15TDHHTD2	3.03	90		Khá	17	17	7,950,000	
510	20810170305	TRẦN CÔNG	TUYÊN	21/01/2002	D15TDHHTD2	2.94	91		Khá	17	17	7,950,000	
511	20810170381	LẠI THẾ	TÌNH	11/02/2001	D15TDHHTD2	2.82	84		Khá	17	17	7,950,000	
512	20810170330	VŨ BÙI MINH	DƯƠNG	02/12/2002	D15TDHHTD1	2.88	80		Khá	17	17	7,950,000	
513	20810230065	PHÙNG THỊ THÙY	DUNG	07/07/2002	D15LOGISTICS2	3.59	83		Giỏi	17	17	8,750,000	
514	20810230146	NGUYỄN VĂN	THẠO	28/04/2002	D15LOGISTICS3	3.5	90		Giỏi	17	17	8,750,000	
515	20810230050	TRẦN HOÀI	ANH	02/09/2002	D15LOGISTICS1	3.41	99		Giỏi	17	17	8,750,000	
516	20810230152	NGHIÊM THỊ THU	TRANG	18/08/2002	D15LOGISTICS3	3.41	91		Giỏi	17	17	8,750,000	
517	20810230078	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	19/09/2002	D15LOGISTICS2	3.35	85		Giỏi	17	17	8,750,000	
518	20810230127	HOÀNG THỊ	OANH	12/04/2002	D15LOGISTICS3	3.29	96		Giỏi	17	17	8,750,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
519	20810230098	NGUYỄN THỊ	LOAN	06/10/2002	D15LOGISTICS2	3.24	87		Giỏi	17	17	8,750,000	
520	20810230080	LƯU THỊ	HUYỀN	29/10/2002	D15LOGISTICS2	3.24	91		Giỏi	17	17	8,750,000	
521	20810230126	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	HUYỀN	10/02/2002	D15LOGISTICS3	3.15	86		Khá	17	17	7,950,000	
522	20810230076	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỆP	16/07/2002	D15LOGISTICS2	3.12	81		Khá	17	17	7,950,000	
523	20810230114	PHẠM THỊ	NGỌC	18/11/2002	D15LOGISTICS2	3.12	83		Khá	17	17	7,950,000	
524	20810230036	TRẦN LÊ HƯƠNG	GIANG	16/08/2002	D15LOGISTICS1	3.12	81		Khá	17	17	7,950,000	
525	20810310555	NGUYỄN THỊ KIM	HUỆ	24/06/2002	D15HTTMDT1	3.89	86		Giỏi	19	19	8,750,000	
526	20810310388	BÙI THỊ LAN	EM	20/11/2002	D15HTTMDT1	3.68	94		Xuất sắc	19	19	9,550,000	
527	20810340192	VŨ VIỆT	ANH	24/09/2002	D15HTTMDT2	3.58	94		Giỏi	19	19	8,750,000	
528	20810310282	NGÔ ANH	ĐỨC	18/07/2002	D15HTTMDT2	3.55	87		Giỏi	19	19	8,750,000	
529	20810340251	LÊ THIÊN HẠNH	CHI	16/04/2002	D15HTTMDT2	3.53	97		Giỏi	19	19	8,750,000	
530	20810340235	HÁN NGỌC	ÁNH	08/09/2002	D15HTTMDT2	3.21	98		Giỏi	19	19	8,750,000	
531	20810310071	NGUYỄN DUY	ANH	26/12/1998	D15HTTMDT1	3.21	81		Giỏi	19	19	8,750,000	
532	20819110139	VŨ VĂN	TRUNG	19/02/2002	D15DIENLANH2	3.43	89		Giỏi	14	14	8,750,000	
533	20819110084	HOÀNG TRUNG	HIẾU	17/09/2002	D15DIENLANH2	3.21	89		Giỏi	14	14	8,750,000	
534	20819120050	LÊ DUY	KHÁ	25/06/2000	D15DIENLANH1	3.21	90		Giỏi	14	14	8,750,000	
535	20819110072	CHU BÁ	HUY	15/06/2002	D15DIENLANH2	3.14	90		Khá	14	14	7,950,000	
536	20819110100	LÊ VĂN	ĐỨC	16/07/2002	D15DIENLANH1	3.14	87		Khá	14	14	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
537	20819120007	NGUYỄN QUANG	MINH	07/09/2002	D15DIENLANH1	3	83		Khá	14	14	7,950,000	
538	20810630014	TRẦN HỒNG	PHÚC	21/07/2002	D15CODCT	3.07	90		Khá	15	15	7,950,000	
539	20810630012	PHẠM XUÂN THẾ	ANH	14/05/2002	D15CODCT	2.53	88		Khá	18	18	7,950,000	
540	20810000080	ĐÀM CÔNG	Ý	09/03/2002	D15CKCTM	3.74	90		Xuất sắc	19	19	9,550,000	
541	20810000227	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	07/11/2002	D15CKCTM	3.26	86		Giỏi	19	19	8,750,000	
542	20810610009	HOÀNG MINH	HIẾU	10/05/2001	D15CKCTM	3.11	81		Khá	19	19	7,950,000	
543	20810000100	PHẠM VĂN	HÙNG	15/11/2002	D15CKCTM	3.05	87		Khá	19	19	7,950,000	
544	20810430394	TRẦN QUỐC	THUẬN	01/02/2001	D15CNKTDK	3.7	93		Xuất sắc	15	15	9,550,000	
545	20810430384	NGUYỄN PHI	TRƯỜNG	20/09/2001	D15CNKTDK	3.5	82		Giỏi	15	15	8,750,000	
546	20810430149	MAI ĐĂNG	TUÂN	24/02/2002	D15CNKTDK	3.23	81		Giỏi	15	15	8,750,000	
547	20810410092	ĐỖ TRUNG	KIÊN	04/08/2002	D15CNKTDK	3.07	85		Khá	15	15	7,950,000	
548	20810430321	ĐÀO ĐỨC	TRUNG	04/10/1997	D15CNKTDK	2.93	82		Khá	15	15	7,950,000	
549	20810510100	TRƯƠNG DUY	HẢI	28/01/1994	D15DT&KTMT	3.42	90		Giỏi	18	18	8,750,000	
550	20810540015	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	21/04/2000	D15DT&KTMT	2.89	79		Khá	18	18	7,950,000	
551	20810000271	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	21/08/2002	D15DT&KTMT	2.5	80		Khá	18	18	7,950,000	
552	20810540044	TRẦN THỊ	THẢO	17/11/1996	D15DTVT	3.89	93		Xuất sắc	18	18	9,550,000	
553	20810540058	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	09/06/2002	D15DTVT	3.25	91		Giỏi	18	18	8,750,000	
554	20810540021	NGUYỄN THỊ	HOA	21/12/2002	D15DTVT	3.19	78		Khá	18	18	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
555	20810000437	LÃ MẠNH	DŨNG	05/05/2002	D15KTNL	3.59	90		Giỏi	17	17	8,750,000	
556	20810000212	PHÍ NGUYỄN QUỲNH	ANH	16/12/2002	D15KTNL	3.06	90		Khá	17	17	7,950,000	
557	20810000415	ĐẶNG THỊ	NGOAN	17/02/2002	D15KTNL	3	80		Khá	17	17	7,950,000	
558	20810000327	NGUYỄN HỮU	TRƯỜNG	23/09/2002	D15MVT&MT	2.53	84		Khá	18	18	7,950,000	
559	20810000276	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	15/05/2002	D15MVT&MT	2.5	84		Khá	18	18	7,950,000	
560	20810000365	MẠC THỊ ÁNH	NGUYỆT	12/02/2002	D15NLTT	3.22	88		Giỏi	16	16	8,750,000	
561	20810000450	NGUYỄN NGỌC	TÚ	21/08/2002	D15NLTT	2.81	83		Khá	16	16	7,950,000	
562	20819110015	TRẦN XUÂN	QUANG	19/09/2002	D15NHIETCN	3.29	80		Giỏi	14	14	8,750,000	
563	20819110077	NGUYỄN VĂN	HẢO	23/04/2002	D15NHIETCN	2.64	76		Khá	14	14	7,950,000	
564	20819120032	NGUYỄN VĂN	BINH	20/06/2001	D15NHIETDIEN	3.43	87		Giỏi	14	14	8,750,000	
565	20810630077	NGUYỄN THỊ	HỒNG	09/08/2002	D15QLDA&CTXD	2.83	90		Khá	18	18	7,950,000	
566	20810000377	NGUYỄN THỊ	AN	18/08/2002	D15QLMTCN	3.67	91		Xuất sắc	15	15	9,550,000	
567	20810000244	NGUYỄN THỊ	DUNG	02/03/2002	D15QLDT&KH	3.15	86		Khá	17	17	7,950,000	
568	20810000500	NGUYỄN THỊ	LÀNH	08/12/2002	D15QLDT&KH	3.15	89		Khá	17	17	7,950,000	
569	20810000380	DƯƠNG KHÁNH	VÂN	18/11/2002	D15QLDT&KH	2.82	92		Khá	17	17	7,950,000	
570	20810000458	NGUYỄN THỊ	HỒNG	27/07/2001	D15QLSX&TN	3.79	95		Xuất sắc	17	17	9,550,000	
571	20810000516	VŨ NHƯ	QUANG	03/04/2002	D15QLSX&TN	3.56	81		Giỏi	17	17	8,750,000	
572	20810310359	BÙI HẠ	LONG	19/11/2002	D15QTANM	3.83	82		Giỏi	18	18	8,750,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
573	20810310456	NGUYỄN TIẾN	THẾ	06/04/2002	D15QTANM	3.67	94		Xuất sắc	18	18	9,550,000	
574	20810000297	TRẦN QUỐC	THÁI	11/08/2002	D15TBDTYT	2.69	76		Khá	18	18	7,950,000	
575	20810430417	NGUYỄN HUYỀN TIẾN	AN	25/07/2002	D15THDK&TDH	3.47	89		Giỏi	19	19	8,750,000	
576	20810430401	VŨ TRÍ	ĐÔNG	15/03/2002	D15THDK&TDH	3.11	87		Khá	19	19	7,950,000	
577	20810410074	NGUYỄN VĂN	LỢI	01/03/2002	D15THDK&TDH	2.79	94		Khá	19	19	7,950,000	
578	20810320119	VŨ THỊ	LINH	19/01/2002	D15TTNT&TGMT	3.71	92		Xuất sắc	17	17	9,550,000	
579	20810630075	NGUYỄN VĂN	NAM	11/06/2002	D15XDDD&CN	3.47	95		Giỏi	15	15	8,750,000	
580	20810630020	ĐỖ MINH	QUANG	28/03/2002	D15XDDD&CN	3.07	82		Khá	15	15	7,950,000	
581	20810820120	VŨ THỊ THANH	TUYỀN	27/11/2002	D15TCDN2	3.71	87		Giỏi	17	17	7,850,000	
582	20810820056	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THANH	19/06/2002	D15TCDN1	3.59	82		Giỏi	17	17	7,850,000	
583	20810820066	ĐÀO THU	MAI	20/03/2002	D15TCDN1	3.44	87		Giỏi	17	17	7,850,000	
584	20810820036	GIÁP THỊ	DUNG	03/01/2002	D15TCDN1	3.59	86		Giỏi	17	17	7,850,000	
585	20810820064	NGUYỄN MINH	THÔNG	15/01/2002	D15TCDN1	3.59	88		Giỏi	17	17	7,850,000	
586	20810820074	ĐOÀN HẢI	LONG	31/10/2002	D15TCDN1	3.53	86		Giỏi	17	17	7,850,000	
587	20810820069	TRẦN THỊ MINH	ANH	29/06/2002	D15TCDN1	3.53	83		Giỏi	17	17	7,850,000	
588	19810810189	NGUYỄN THỊ	HỒNG	04/04/2001	D14KTDN3	3.87	90		Xuất sắc	19	19	8,550,000	
589	19810810103	VŨ THÚY	QUYÊN	25/10/2001	D14KTDN2	3.82	90		Xuất sắc	19	19	8,550,000	
590	19810810029	VŨ THỊ MINH	PHƯƠNG	04/06/2001	D14KTDN1	3.71	95		Xuất sắc	19	19	8,550,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
591	19810810022	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	15/08/2001	D14KTDN1	3.66	92		Xuất sắc	19	19	8,550,000	
592	19810810027	NGUYỄN THỊ	HÒA	20/09/2001	D14KTDN1	3.66	90		Xuất sắc	19	19	8,550,000	
593	19810810113	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	19/10/2001	D14KTDN3	3.66	95		Xuất sắc	19	19	8,550,000	
594	19810810187	BÙI THỊ	THÚY	21/02/2001	D14KTDN3	3.66	89		Giỏi	19	19	7,850,000	
595	19810810001	ĐẶNG VÂN	ANH	26/09/2001	CLC.D14KTDN	3.66	95		Xuất sắc	19	19	8,550,000	
596	19810810009	PHẠM THỊ	ÁNH	04/01/2001	D14KTDN1	3.63	94		Xuất sắc	19	19	8,550,000	
597	19810810105	NGUYỄN THU	HÀ	26/08/2001	D14KTDN2	3.63	90		Xuất sắc	19	19	8,550,000	
598	19810810180	ĐỖ THỊ HƯƠNG	LINH	27/05/2001	D14KTDN2	3.58	84		Giỏi	19	19	7,850,000	
599	19810810070	ĐỖ THANH	HÀ	18/12/2001	D14KTDN2	3.58	88		Giỏi	19	19	7,850,000	
600	19810830073	HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	21/12/1999	D14KT&KS	3.89	96		Xuất sắc	19	19	8,550,000	
601	19810850013	NGUYỄN KHÁNH	NHƯỜNG	21/06/2001	D14KIEMTOAN	3.81	96		Xuất sắc	18	18	8,550,000	
602	19810000150	NGUYỄN THỊ	HẰNG	01/03/2001	D14KDTMTT	3.67	91		Xuất sắc	18	18	8,550,000	
603	19810000037	TRẦN THỊ HỒNG	NGÁT	05/07/2001	D14KDTMTT	3.67	82		Giỏi	18	18	7,850,000	
604	19810840010	NGUYỄN ÁNH	NGUYỆT	04/09/2001	D14NGANHANG	3.86	85		Giỏi	18	18	7,850,000	
605	19810840008	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	05/12/2001	D14NGANHANG	3.86	85		Giỏi	18	18	7,850,000	
606	19810840041	HỒ THẾ	LAM	20/11/2000	D14NGANHANG	3.47	81		Giỏi	18	18	7,850,000	
607	19810710241	ĐỖ NGỌC	ANH	07/07/2001	D14QTDN3	3.81	87		Giỏi	18	18	7,850,000	
608	19810710029	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	04/04/2001	D14QTDN1	3.81	94		Xuất sắc	18	18	8,550,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
609	19810710095	VƯƠNG MẠC	LINH	24/01/2001	D14QTDN1	3.81	88		Giỏi	18	18	7,850,000	
610	19810710100	TRẦN HOÀI PHƯƠNG	TRANG	05/12/2001	D14QTDN2	3.67	83		Giỏi	21	21	7,850,000	
611	19810710012	LÊ THỊ	TỚI	11/01/1998	D14QTDN1	3.61	90		Xuất sắc	18	18	8,550,000	
612	19810710264	ĐOÀN THỊ	GIANG	13/07/2001	D14QTDN3	3.61	85		Giỏi	18	18	7,850,000	
613	19810710070	BÙI THỊ HỒNG	NGỌC	02/09/2001	D14QTDN1	3.56	88		Giỏi	18	18	7,850,000	
614	19810710087	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	23/08/2001	D14QTDN1	3.53	86		Giỏi	18	18	7,850,000	
615	19810710010	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	17/06/2001	CLC.D14QTDN	3.5	93		Giỏi	18	18	7,850,000	
616	19810710120	NGUYỄN THỊ MINH	THÙY	29/10/2001	D14QTDN2	3.47	77		Khá	18	18	7,150,000	
617	19810710198	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	07/03/2001	D14QTDN3	3.44	89		Giỏi	18	18	7,850,000	
618	19810720183	LẠI THỊ	VUI	18/07/2001	D14QTDLKS2	3.76	82		Giỏi	19	19	7,850,000	
619	19810720139	NGUYỄN THỊ	MAI	04/06/2001	D14QTDLKS2	3.74	81		Giỏi	19	19	7,850,000	
620	19810720205	HOÀNG THỊ	LOAN	22/10/2001	D14QTDLKS2	3.68	82		Giỏi	19	19	7,850,000	
621	19810720140	VŨ THỊ	THOẢNG	09/07/2000	D14QTDLKS2	3.61	81		Giỏi	19	19	7,850,000	
622	19810720033	BÙI THỊ HÀ	LY	09/01/2001	D14QTDLKS1	3.61	80		Giỏi	19	19	7,850,000	
623	19810720265	LÊ VIỆT	HOÀNG	16/08/2001	D14QTDLKS1	3.61	80		Giỏi	19	19	7,850,000	
624	19810720238	HÀ THỊ MỸ	DUYÊN	2/8/2000	D14QTDLKS2	3.61	93		Xuất sắc	21	19	8,550,000	
625	19810720063	KIỀU THỊ	HUYỀN	28/05/2001	D14QTDLKS1	3.58	80		Giỏi	19	19	7,850,000	
626	19810720199	NGÔ THỊ	LIÊN	07/08/2001	D14QTDLKS2	3.58	81		Giỏi	19	19	7,850,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
627	19810840013	HỒ KHÁNH	LINH	12/09/2001	D14TCDN	3.64	86		Giỏi	18	18	7,850,000	
628	19810820007	LÊ ĐẲNG	GIANG	31/01/2001	D14TCDN	3.61	83		Giỏi	18	18	7,850,000	
629	19810310071	NGUYỄN KHẮC	TRỌNG	20/01/2001	D14CNPM2	3.95	90		Xuất sắc	19	19	9,550,000	
630	19810310158	VƯƠNG VĂN	LINH	18/01/2001	D14CNPM3	3.92	85		Giỏi	19	19	8,750,000	
631	19810310026	TRẦN TUẤN	ANH	28/05/2000	D14CNPM1	3.89	90		Xuất sắc	19	19	9,550,000	
632	19810310246	NGUYỄN VĂN ĐẠI	CƯƠNG	19/12/2001	D14CNPM4	3.89	81		Giỏi	19	19	8,750,000	
633	19810310177	NGUYỄN ĐĂNG VIỆT	ANH	12/01/2001	D14CNPM3	3.84	87		Giỏi	19	19	8,750,000	
634	19810310410	LƯƠNG NGỌC	VINH	31/05/2001	D14CNPM6	3.84	85		Giỏi	19	19	8,750,000	
635	19810310151	NGUYỄN XUÂN	THÀNH	08/09/2001	D14CNPM3	3.82	89		Giỏi	19	19	8,750,000	
636	19810310172	HOÀNG THỊ	PHƯƠNG	08/10/2001	D14CNPM3	3.82	85		Giỏi	19	19	8,750,000	
637	19810310223	ĐỖ THỊ BÍCH	NGỌC	30/08/2001	D14CNPM4	3.82	84		Giỏi	19	19	8,750,000	
638	19810310532	NGUYỄN DUY	ĐẠT	05/03/2001	D14CNPM7	3.82	92		Xuất sắc	19	19	9,550,000	
639	19810310256	ĐINH THỊ	THẢO	08/03/2001	D14CNPM4	3.82	82		Giỏi	19	19	8,750,000	
640	19810310307	NGUYỄN THÀNH	NGHĨA	07/02/2001	D14CNPM5	3.82	90		Xuất sắc	19	19	9,550,000	
641	19810310018	NGUYỄN VĂN	SANG	30/05/2001	D14CNPM1	3.79	85		Giỏi	19	19	8,750,000	
642	19810310202	HOÀNG NGHĨA	TRUNG	08/12/2001	D14CNPM3	3.79	85		Giỏi	19	19	8,750,000	
643	19810310657	TRẦN TRUNG	KIÊN	24/11/2001	D14CNPM8	3.79	86		Giỏi	19	19	8,750,000	
644	19810310066	PHẠM QUANG TUẤN	NGỌC	06/01/2001	D14CNPM2	3.79	83		Giỏi	19	19	8,750,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
645	19810310028	VƯƠNG TUẤN	ANH	16/05/2001	D14CNPM1	3.79	90		Xuất sắc	19	19	9,550,000	
646	19810310369	NGUYỄN VĂN	MẠNH	26/07/2001	D14CNPM4	3.79	80		Giỏi	19	19	8,750,000	
647	19810310017	ĐỖ PHƯƠNG	ANH	26/09/2001	D14CNPM1	3.78	90		Xuất sắc	23	23	9,550,000	
648	19810320033	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	13/04/2001	D14CNPM4	3.76	83		Giỏi	19	19	8,750,000	
649	19810310672	PHAN ĐỨC	THẮNG	16/02/2001	D14CNPM7	3.76	90		Xuất sắc	19	19	9,550,000	
650	19810310170	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	25/05/2001	D14CNPM3	3.76	85		Giỏi	19	19	8,750,000	
651	19810310674	NGUYỄN THỊ THUỲ	TRANG	28/11/2001	D14CNPM6	3.74	87		Giỏi	19	19	8,750,000	
652	19810310279	NGUYỄN MINH	CHIẾN	28/08/2001	D14CNPM5	3.74	86		Giỏi	19	19	8,750,000	
653	19810310391	TRẦN HUY	HẬU	20/07/2001	D14CNPM6	3.74	89		Giỏi	19	19	8,750,000	
654	19810000464	NGUYỄN VŨ NAM	KHANG	20/12/2001	D14CNPM8	3.71	91		Xuất sắc	19	19	9,550,000	
655	19810310611	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	06/07/1999	D14CNPM8	3.71	91		Xuất sắc	19	19	9,550,000	
656	19810310386	NGUYỄN THẾ	ANH	20/08/2001	D14CNPM5	3.68	88		Giỏi	19	19	8,750,000	
657	19810310040	NGUYỄN THỊ	TÌNH	17/09/2001	D14CNPM1	3.68	90		Xuất sắc	19	19	9,550,000	
658	19810310054	NGUYỄN DUY	LONG	05/09/2001	D14CNPM1	3.66	90		Xuất sắc	19	19	9,550,000	
659	19810310577	NGUYỄN VIỆT	ANH	25/12/2001	D14CNPM8	3.66	90		Xuất sắc	19	19	9,550,000	
660	19810310476	NGUYỄN THỊ THUỲ	LINH	26/11/2001	D14CNPM6	3.66	89		Giỏi	19	19	8,750,000	
661	19810310662	LÊ TỰ	HỮU	04/08/2001	D14CNPM1	3.66	85		Giỏi	19	19	8,750,000	
662	19810410332	ĐỖ VĂN	NGỌC	01/03/2001	D14CNKTDK1	3.31	84		Giỏi	18	18	8,750,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
663	19810410182	ĐỖ CÔNG	CÔNG	12/10/2001	D14CNKTDK1	3.25	86		Giỏi	18	18	8,750,000	
664	19810410154	LƯƠNG VĂN	TÙNG	24/12/2001	D14CNKTDK1	3.14	84		Khá	18	18	7,950,000	
665	19810410268	THÂN ĐỨC	ANH	02/06/2001	D14CNKTDK2	3.03	90		Khá	18	18	7,950,000	
666	19810410348	VŨ ĐỨC	THẮNG	04/03/2001	D14CNKTDK1	2.94	88		Khá	18	18	7,950,000	
667	19810410310	PHẠM VĂN	THÀNH	14/11/1998	D14CNKTDK2	2.92	92		Khá	18	18	7,950,000	
668	19810610058	LÊ ĐÌNH	HUY	01/11/2001	D14CKCTM	3.65	80		Giỏi	20	20	8,750,000	
669	19810610143	NGUYỄN VĂN	LINH	25/11/2001	D14CKCTM	3.38	84		Giỏi	20	20	8,750,000	
670	19810000026	ĐỖ ĐÌNH	LỢI	31/05/2001	D14CKOTO	3.66	90		Xuất sắc	19	19	9,550,000	
671	19810000105	NGUYỄN VĂN	SƠN	19/02/2001	D14CKOTO	3.48	85		Giỏi	21	21	8,750,000	
672	19810620001	NGUYỄN CÔNG	MINH	28/07/2001	D14CODT	3.7	94		Xuất sắc	20	20	9,550,000	
673	19810620053	LÊ THỊ LAN	ANH	23/09/1999	D14CODT	3.68	92		Xuất sắc	20	20	9,550,000	
674	19810620004	NGUYỄN VĂN	DU	16/08/2001	D14CODT	3.65	92		Xuất sắc	20	20	9,550,000	
675	19810620007	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	31/08/2001	D14CODT	3.63	92		Xuất sắc	20	20	9,550,000	
676	19810420213	PHẠM VIẾT	HUY	22/02/2001	D14DCN&DD1	3.76	85		Giỏi	17	17	8,750,000	
677	19810420021	PHẠM DUY	SƠN	01/01/2001	D14DCN&DD1	3.59	82		Giỏi	17	17	8,750,000	
678	19810420026	NGUYỄN NGỌC	MINH	14/09/2001	D14DCN&DD1	3.47	88		Giỏi	17	17	8,750,000	
679	19810420036	ĐẬU ĐỨC	HÙNG	24/01/2001	D14DCN&DD1	3.38	82		Giỏi	17	17	8,750,000	
680	19810420382	CHỬ ĐỨC	HUY	11/08/2001	D14DCN&DD1	3.35	90		Giỏi	17	17	8,750,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
681	19810420057	NGUYỄN MẠNH	TIẾN	06/01/2001	D14DCN&DD1	3.35	89		Giỏi	17	17	8,750,000	
682	19810420308	NGUYỄN MINH	HÒA	16/12/2001	D14DCN&DD2	3.35	82		Giỏi	17	17	8,750,000	
683	19810110216	ĐOÀN QUANG	DUYỆT	24/12/2001	D14H3	3.71	94		Xuất sắc	17	17	9,550,000	
684	19810110258	CHU MẠNH	PHÓNG	07/08/2001	D14H3	3.71	90		Xuất sắc	17	17	9,550,000	
685	19810110268	ĐẶNG NGỌC	HÙNG	25/09/2001	D14H3	3.62	90		Xuất sắc	17	17	9,550,000	
686	19810110226	TRẦN HỮU	PHƯỚC	30/01/2001	D14H3	3.59	92		Giỏi	17	17	8,750,000	
687	19810110177	NGUYỄN HOÀNG	ANH	10/10/2001	D14H2	3.5	92		Giỏi	17	17	8,750,000	
688	19810110058	NGUYỄN KHẮC	TUÂN	28/11/2001	D14H1	3.44	82		Giỏi	17	17	8,750,000	
689	19810110231	HOÀNG VĂN	THÀNH	02/03/2001	D14H3	3.41	93		Giỏi	17	17	8,750,000	
690	19810110360	HÀ HỒNG	THỦY	09/07/2001	D14H1	3.35	82		Giỏi	20	20	8,750,000	
691	19810110206	LÒ ĐỨC	CƯỜNG	09/10/1998	D14H2	3.35	83		Giỏi	17	17	8,750,000	
692	19810110014	TỪ VĂN	TÌNH	17/09/2001	D14H1	3.32	92		Giỏi	17	17	8,750,000	
693	19810420346	NGUYỄN TRỌNG	SƠN	09/07/2001	D14H3	3.32	84		Giỏi	17	17	8,750,000	
694	19810110179	NGÔ LONG	TOÀN	04/12/2000	D14H2	3.29	88		Giỏi	17	17	8,750,000	
695	19810110081	LÊ THU	TRÀ	30/10/2001	D14H1	3.24	90		Giỏi	17	17	8,750,000	
696	19810110123	NGUYỄN HỮU VIỆT	HOÀNG	16/04/2001	D14H2	3.24	87		Giỏi	17	17	8,750,000	
697	19810110026	TRỊNH DUY	HOẠT	16/02/2001	CLC.D14H	3.22	86		Giỏi	16	16	8,750,000	
698	19810340231	NGUYỄN MINH	ĐỨC	20/09/2001	D14HTTMDT2	3.85	96		Xuất sắc	20	20	9,550,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
699	19810340249	NGUYỄN VĂN	KHOA	05/01/2001	D14HTTMDT2	3.83	85		Giỏi	20	20	8,750,000	
700	19810340546	ĐỖ HOÀNG	THẠCH	19/10/2001	D14HTTMDT2	3.78	92		Xuất sắc	20	20	9,550,000	
701	19810340521	NGÔ THỊ MINH	NGUYỆT	29/08/2001	D14HTTMDT1	3.7	91		Xuất sắc	20	20	9,550,000	
702	19810340422	NGUYỄN VIỆT	DŨNG	16/04/2001	D14HTTMDT2	3.7	86		Giỏi	20	20	8,750,000	
703	19810230073	BÙI ANH	THƯ	24/10/2001	D14LOGISTICS1	3.58	92		Giỏi	18	18	8,750,000	
704	19810230074	LÊ PHƯƠNG	TRANG	24/12/2001	D14LOGISTICS1	3.56	89		Giỏi	18	18	8,750,000	
705	19810230005	NGUYỄN THỊ	THỦY	21/03/2001	D14LOGISTICS2	3.44	77		Khá	18	18	7,950,000	
706	19810230009	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	09/11/2000	D14LOGISTICS1	3.42	89		Giỏi	18	18	8,750,000	
707	19810230008	NGUYỄN VĂN	TIẾN	01/01/2001	D14LOGISTICS1	3.36	90		Giỏi	18	18	8,750,000	
708	19810230081	NGUYỄN VĂN	HẢO	07/10/2001	D14LOGISTICS1	3.36	98		Giỏi	18	18	8,750,000	
709	19810320470	BÙI ĐÌNH	SƠN	09/12/2001	D14QTANM2	3.86	91		Xuất sắc	21	21	9,550,000	
710	19810320417	BÌ VĂN	ĐẠT	24/11/2001	D14QTANM1	3.82	72		Khá	19	19	7,950,000	
711	19810320121	TRƯƠNG VĂN	ĐỨC	11/09/2001	D14QTANM1	3.76	82		Giỏi	19	19	8,750,000	
712	19810320549	NGUYỄN LAM	TRƯỜNG	07/12/2001	D14QTANM2	3.71	94		Xuất sắc	19	19	9,550,000	
713	19810320512	TRẦN QUỐC	HÙNG	05/02/2001	D14QTANM2	3.63	94		Xuất sắc	19	19	9,550,000	
714	19810170298	HOÀNG TRUNG	HIẾU	04/12/2001	D14TDHHTD2	3.38	82		Giỏi	17	17	8,750,000	
715	19810170118	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	25/11/2001	D14TDHHTD1	3.38	90		Giỏi	17	17	8,750,000	
716	19810170366	PHẠM VĂN	THẾ	18/08/2001	D14TDHHTD1	3.35	90		Giỏi	17	17	8,750,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
717	19810170076	LÊ VIẾT	LONG	27/12/2000	D14TDHHTD1	3.26	90		Giỏi	17	17	8,750,000	
718	19810170284	HÀ PHÚC	LÂM	18/09/2001	D14TDHHTD2	3.24	79		Khá	17	17	7,950,000	
719	19810170115	NGUYỄN ĐỨC	DUY	03/04/2001	D14TDHHTD1	3.12	95		Khá	17	17	7,950,000	
720	19810170008	PHẠM VĂN	TÚ	09/10/2001	D14TDHHTD1	3.12	90		Khá	17	17	7,950,000	
721	19810170051	TÒNG VINH	LẬP	27/10/2001	D14TDHHTD1	3.12	90		Khá	17	17	7,950,000	
722	19810430324	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	09/07/2001	D14TDH&DKTBCN 1	3.38	96		Giỏi	16	16	8,750,000	
723	19810430029	NGUYỄN THÚY	QUỲNH	13/05/2001	D14TDH&DKTBCN 4	3.38	92		Giỏi	16	16	8,750,000	
724	19810430207	NGUYỄN ĐỨC ĐẠI	THẮNG	07/11/2001	D14TDH&DKTBCN 3	3.38	86		Giỏi	16	16	8,750,000	
725	19810430256	TRẦN CAO	NGỌC	20/04/2001	D14TDH&DKTBCN 3	3.28	90		Giỏi	16	16	8,750,000	
726	19810430251	NGUYỄN VĂN	HIỆU	03/04/2001	D14TDH&DKTBCN 3	3.24	96		Giỏi	21	21	8,750,000	
727	19810430249	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	31/01/2001	D14TDH&DKTBCN 3	3.19	86		Khá	16	16	7,950,000	
728	19810430277	NGUYỄN MINH	VƯƠNG	05/01/2001	D14TDH&DKTBCN 3	3.16	87		Khá	16	16	7,950,000	
729	19810430018	TRẦN QUANG	HUY	16/09/2001	D14TDH&DKTBCN 4	3.16	92		Khá	16	16	7,950,000	
730	19810430221	TẠ QUANG	THÁI	15/10/2001	D14TDH&DKTBCN 3	3.06	85		Khá	16	16	7,950,000	
731	19810430353	PHẠM VĂN	LƯU	27/04/2001	D14TDH&DKTBCN 4	3.06	84		Khá	16	16	7,950,000	
732	19810430311	LÊ ĐÌNH	ĐẠT	27/06/2001	D14TDH&DKTBCN 4	3.03	90		Khá	16	16	7,950,000	
733	19810430241	LÊ VĂN	ĐỨC	26/04/2000	D14TDH&DKTBCN 3	3	84		Khá	16	16	7,950,000	
734	19810430273	TRẦN ANH	THẮNG	15/03/2001	D14TDH&DKTBCN 3	2.95	85		Khá	21	21	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
735	19810430116	ĐÀO NGUYÊN	THỦ	04/01/2001	D14TDH&DKTBCN 1	2.91	97		Khá	16	16	7,950,000	
736	19810430239	NGUYỄN TÙNG	LÂM	22/02/2001	D14TDH&DKTBCN 3	2.88	80		Khá	16	16	7,950,000	
737	19810430211	TRẦN LÂM HẢI	LONG	18/03/2001	D14TDH&DKTBCN 3	2.84	86		Khá	16	16	7,950,000	
738	19819120146	TRƯƠNG MINH	THẮNG	14/10/2001	D14DIENLANH	3.47	92		Giỏi	16	16	8,750,000	
739	19819120129	PHAN VĂN	TRƯỜNG	07/01/2001	D14DIENLANH	3.41	94		Giỏi	16	16	8,750,000	
740	19819120011	TRẦN VIẾT	MINH	19/02/2001	D14DIENLANH	3.36	90		Giỏi	18	18	8,750,000	
741	19810540193	NGUYỄN ĐỖ	MẠNH	20/08/2001	D14DT&KTMT	3.39	87		Giỏi	19	19	8,750,000	
742	19810540181	VŨ THỊ	HUYỀN	18/11/2001	D14DT&KTMT	3.26	87		Giỏi	19	19	8,750,000	
743	19810510141	HOÀNG ĐẠI	DƯƠNG	11/02/2001	D14DTVT	3.29	86		Giỏi	19	19	8,750,000	
744	19810510143	TRẦN TUẤN	ANH	08/03/2001	D14DTVT	3.24	86		Giỏi	19	19	8,750,000	
745	19810510115	BÙI DUY	HOÀNG	22/11/2001	D14DTVT	3.24	92		Giỏi	19	19	8,750,000	
746	19810540184	LÊ VĂN	TIẾN	24/03/2000	D14KTDT	3.47	81		Giỏi	19	19	8,750,000	
747	19810000142	NGUYỄN ĐỨC	ĐẠT	14/06/2001	D14MVT&MT	3.18	90		Khá	19	19	7,950,000	
748	19810000108	PHAN THỊ HÀ	TRÚC	17/10/2001	D14NLTT	3.55	91		Giỏi	19	19	8,750,000	
749	19819110008	LƯƠNG THÙY	LIÊN	13/03/2001	D14NHIET	3.28	90		Giỏi	16	16	8,750,000	
750	19810000081	PHẠM ĐỨC	LƯƠNG	05/04/2001	D14QLSX&TN	2.53	80		Khá	18	18	7,950,000	
751	19810000072	LẠI MINH	HIẾU	24/05/2001	D14TTDIEN	3.21	94		Giỏi	19	19	8,750,000	
752	19810550182	TRƯƠNG QUỐC	TUẤN	15/03/2001	D14TBDTYT	3.05	96		Khá	19	19	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
753	19810000125	TẠ TIẾN	ĐẠT	16/08/2001	D14THDK&TDH	2.92	85		Khá	18	18	7,950,000	
754	19810000266	NGUYỄN TRỌNG	BAN	10/08/2001	D14THDK&TDH	3.03	85		Khá	18	18	7,950,000	
755	19810000544	MĂN BÁ	TÀI	07/05/2000	D14TTNT&TGMT	3.98	87		Giỏi	20	20	8,750,000	
756	19810000356	LÊ QUANG	SANG	03/10/2001	D14TTNT&TGMT	3.98	87		Giỏi	20	20	8,750,000	
757	19810650004	NGUYỄN QUYẾT	THẮNG	27/10/2001	D14XDCTD	3.2	90		Giỏi	20	20	8,750,000	
758	18810310325	PHƯƠNG CÔNG	THẮNG	25/07/2000	D13CNPM4	4	97	3.83	Xuất sắc	12	12	9,550,000	
759	18810310364	HOÀNG THU	PHƯƠNG	12/08/2000	D13CNPM4	4	95	3.61	Xuất sắc	12	12	9,550,000	
760	18810310391	BÙI THỊ VÂN	ANH	16/10/2000	D13CNPM5	4	92	3.25	Xuất sắc	12	12	9,550,000	
761	18810310436	NGÔ THỊ	HUỆ	10/07/2000	D13CNPM5	4	92	3.78	Xuất sắc	12	12	9,550,000	
762	18810310095	NGUYỄN XUÂN	LONG	23/02/2000	D13CNPM1	4	90	3.05	Xuất sắc	12	12	9,550,000	
763	18810310428	NGUYỄN VĂN	NAM	12/10/2000	D13CNPM5	4	90	3.76	Xuất sắc	12	12	9,550,000	
764	18810310449	VŨ THỊ LAN	HƯƠNG	03/03/2000	D13CNPM5	4	90	3.52	Xuất sắc	12	12	9,550,000	
765	18810310452	HOÀNG ĐỨC	LONG	11/06/2000	D13CNPM5	4	90	3.33	Xuất sắc	12	12	9,550,000	
766	18810310196	TRƯƠNG ANH	VINH	23/06/2000	D13CNPM2	4	90	3.26	Xuất sắc	12	12	9,550,000	
767	18810310208	NGUYỄN HIỆP	LỘC	08/02/2000	D13CNPM3	4	90	3.54	Xuất sắc	12	12	9,550,000	
768	18810310034	ĐỖ	HÙNG	26/08/2000	D13CNPM1	4	90	3.54	Xuất sắc	12	12	9,550,000	
769	18810310064	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	01/06/2000	D13CNPM1	4	90	3.54	Xuất sắc	12	12	9,550,000	
770	18810310270	NGUYỄN THỊ	HÒA	09/02/2000	D13CNPM3	4	90	3.42	Xuất sắc	12	12	9,550,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
771	18810310577	PHÙNG THỊ ÁNH	NGỌC	14/11/2000	D13CNPM7	4	87	3.59	Giỏi	12	12	8,750,000	
772	18810310503	LÒ HOÀNG	LINH	25/09/2000	D13CNPM6	4	85	3.58	Giỏi	12	12	8,750,000	
773	18810310514	NGUYỄN TRỌNG	THANH	07/06/2000	D13CNPM6	4	85	3.57	Giỏi	12	12	8,750,000	
774	18810310085	TẠ QUỐC	TRẦN	11/01/2000	D13CNPM1	4	85	3.55	Giỏi	15	15	8,750,000	
775	18810310051	LÃ QUỐC	NGHỊ	10/01/2000	D13CNPM1	4	85	3.51	Giỏi	15	15	8,750,000	
776	18810310048	NGUYỄN ĐỨC	LONG	12/03/2000	D13CNPM1	4	85	3.46	Giỏi	15	15	8,750,000	
777	18810310408	LÊ HOÀNG	THÁI	18/09/2000	D13CNPM5	4	85	3.43	Giỏi	12	12	8,750,000	
778	18810310044	ĐỖ TRIỆU	BÌNH	11/01/2000	D13CNPM1	4	85	3.37	Giỏi	12	12	8,750,000	
779	18810310046	CAO HOÀI	NAM	01/01/2000	D13CNPM1	4	85	3.34	Giỏi	17	17	8,750,000	
780	18810310010	LÊ KHẮC	HIẾU	16/03/2000	D13CNPM1	4	85	3.28	Giỏi	12	12	8,750,000	
781	18810310002	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	12/09/2000	D13CNPM1	4	85	3.26	Giỏi	12	12	8,750,000	
782	18810310021	NGUYỄN HOÀNG	MINH	10/12/2000	D13CNPM1	4	85	3.2	Giỏi	12	12	8,750,000	
783	18810310016	ĐẶNG VĂN	HẢI	01/05/2000	D13CNPM1	4	85	3.17	Giỏi	12	12	8,750,000	
784	18810310493	NGÔ VĨNH	ĐẠT	07/07/2000	D13CNPM6	4	85	3.17	Giỏi	12	12	8,750,000	
785	18810310465	LÊ HUY	NAM	19/03/2000	D13CNPM6	4	85	3.13	Giỏi	12	12	8,750,000	
786	18810310075	NGUYỄN TRỌNG	ĐỨC	25/06/2000	D13CNPM1	4	85	3.12	Giỏi	12	12	8,750,000	
787	18810310022	ĐỖ QUANG	MINH	10/02/2000	D13CNPM1	4	85	3.1	Giỏi	12	12	8,750,000	
788	18810310036	NGUYỄN VĂN	TUYỂN	01/01/2000	D13CNPM1	4	85	3.1	Giỏi	12	12	8,750,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
789	18810310660	NGUYỄN QUỐC	NAM	18/12/1999	D13CNPM6	4	85	3.08	Giỏi	12	12	8,750,000	
790	18810310001	NGUYỄN XUÂN	TOÀN	03/07/2000	D13CNPM1	4	85	3.08	Giỏi	12	12	8,750,000	
791	18810420077	PHẠM DƯƠNG	THUẬN	11/06/2000	D13DCN&DD2	3.76	94	3.55	Xuất sắc	17	17	9,550,000	
792	18810420197	VŨ TRƯỜNG	GIANG	07/04/2000	D13DCN&DD1	3.76	91	3.22	Xuất sắc	17	17	9,550,000	
793	18810420082	DƯƠNG QUỐC	CƯỜNG	16/09/2000	D13DCN&DD1	3.65	91	3.64	Xuất sắc	17	17	9,550,000	
794	18810420311	HOÀNG HỮU	HUYNH	04/06/2000	D13DCN&DD2	3.63	85	2.67	Giỏi	19	19	8,750,000	
795	18810420062	NGUYỄN TIẾN	ANH	02/01/2000	D13DCN&DD1	3.35	94	3.56	Giỏi	17	17	8,750,000	
796	18810420294	LÊ VĂN	HẢI	26/09/2000	D13DCN&DD2	3.32	82	2.94	Giỏi	17	17	8,750,000	
797	18810420312	NGUYỄN VĂN	LÂM	03/01/2000	D13DCN&DD2	3.32	75	2.82	Khá	19	19	7,950,000	
798	18810110128	MAI XUÂN	MINH	24/01/2000	D13H1	3.88	91	3.63	Xuất sắc	17	17	9,550,000	
799	18810170170	NGUYỄN THỊ THANH	HIỀN	10/07/2000	D13H3	3.82	90	3.56	Xuất sắc	17	17	9,550,000	
800	18810110181	PHẠM TRUNG	HIẾU	16/11/2000	D13H2	3.74	86	3.2	Giỏi	17	17	8,750,000	
801	18810110239	VŨ VĂN	HÙNG	18/02/2000	D13H2	3.71	87	3.12	Giỏi	17	17	8,750,000	
802	18810110103	NGUYỄN DOÃN	QUÝ	22/10/2000	D13H3	3.56	94	3.05	Giỏi	17	17	8,750,000	
803	18810110075	NGUYỄN THÀNH	LỘC	04/06/2000	D13H1	3.53	87	3.25	Giỏi	17	17	8,750,000	
804	18810110007	NGUYỄN TUẤN	ĐẠT	09/08/2000	D13H1	3.47	87	2.85	Giỏi	19	19	8,750,000	
805	18810110003	VŨ HOÀNG	LÂN	01/05/2000	D13H1	3.47	81	3.07	Giỏi	17	17	8,750,000	
806	18810110264	HOÀNG ĐÌNH	VĂN	14/06/2000	D13H3	3.47	93	3.03	Giỏi	17	17	8,750,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
807	18810110171	PHẠM VIỆT QUỐC	ANH	12/07/2000	D13H2	3.41	91	3.11	Giỏi	17	17	8,750,000	
808	18810110271	PHẠM GIA	KHIÊM	07/04/2000	D13H1	3.41	94	3.21	Giỏi	17	17	8,750,000	
809	18810110205	PHẠM THỊ HẢI	YẾN	01/06/2000	D13H3	3.41	87	3	Giỏi	17	17	8,750,000	
810	18810110180	VŨ TRUNG	KIÊN	20/01/2000	D13H2	3.38	95	2.78	Giỏi	17	17	8,750,000	
811	18810110236	NGUYỄN THÀNH	HIẾU	26/12/2000	D13H2	3.38	87	2.84	Giỏi	17	17	8,750,000	
812	18810340225	NGÔ MINH	HIẾU	07/04/2000	D13HTTMDT1	4	96	3.49	Xuất sắc	12	12	9,550,000	
813	18810340214	NGUYỄN VŨ NGỌC	HỒNG	25/10/2000	D13HTTMDT1	4	94	2.99	Xuất sắc	12	12	9,550,000	
814	18810340638	TRẦN THỊ	NGA	05/06/2000	D13HTTMDT2	4	91	3.1	Xuất sắc	12	12	9,550,000	
815	18810340123	TRỊNH THỊ	HỒNG	02/07/2000	D13HTTMDT1	4	88	3.29	Giỏi	12	12	8,750,000	
816	18810340703	VŨ QUANG	LONG	27/07/2000	D13HTTMDT1	4	88	3.45	Giỏi	12	12	8,750,000	
817	18810340162	NGUYỄN THỊ	XUYÊN	06/10/2000	D13HTTMDT2	4	86	3.47	Giỏi	12	12	8,750,000	
818	18810340677	NGUYỄN DANH	HÀ	22/10/2000	D13HTTMDT2	4	85	3.68	Giỏi	12	12	8,750,000	
819	18810340092	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	02/09/2000	D13HTTMDT1	4	85	3.48	Giỏi	12	12	8,750,000	
820	18810340342	NGÔ ĐỨC	THẮNG	23/01/2000	D13HTTMDT1	4	85	3.3	Giỏi	12	12	8,750,000	
821	18810430214	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	26/09/2000	D13TDH&DKTBCN 2	3.68	90	3.33	Xuất sắc	19	19	9,550,000	
822	18810430122	NGUYỄN HOÀNG	ANH	21/08/2000	D13TDH&DKTBCN 2	3.58	87	3.32	Giỏi	19	19	8,750,000	
823	18810430074	TẠ ĐÌNH	BẮC	07/09/2000	D13TDH&DKTBCN 1	3.53	90	2.95	Giỏi	19	19	8,750,000	
824	18810430180	TRẦN TRUNG	HIẾU	14/07/2000	D13TDH&DKTBCN 2	3.38	84	3.22	Giỏi	21	21	8,750,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
825	18810430077	TỐNG THÀNH	ĐẠT	11/09/2000	D13TDH&DKTBCN 1	3.32	90	2.56	Giỏi	19	19	8,750,000	
826	18810430234	NGUYỄN XUÂN	VŨ	01/12/2000	D13TDH&DKTBCN 3	3.27	92	3.02	Giỏi	24	24	8,750,000	
827	18810430240	NGUYỄN THỊ THẢO	UYÊN	08/05/2000	D13TDH&DKTBCN 3	3.18	90	2.73	Khá	19	19	7,950,000	
828	18810430029	TRẦN NGỌC	THỊNH	30/12/2000	D13TDH&DKTBCN 2	3.13	86	3.38	Khá	19	19	7,950,000	
829	18810430156	VŨ NHẬT	LONG	13/03/2000	D13TDH&DKTBCN 2	3.11	90	3.04	Khá	19	19	7,950,000	
830	18810430048	LÊ TRỌNG	THẮNG	04/05/2000	D13TDH&DKTBCN 3	3.11	81	2.68	Khá	19	19	7,950,000	
831	18810430010	PHAN MINH	ĐỨC	13/08/2000	D13TDH&DKTBCN 1	3	83	2.46	Khá	25	25	7,950,000	
832	18810430192	PHÍ THÀNH	LONG	31/10/2000	D13TDH&DKTBCN 2	3	86	3.35	Khá	19	19	7,950,000	
833	18810430168	VŨ THỊ THANH	THƯ	08/10/2000	D13TDH&DKTBCN 2	2.98	90	3.17	Khá	25	25	7,950,000	
834	18810620123	NGÔ THU	HUYỀN	09/02/2000	D13CODT2	3.75	91	3.32	Xuất sắc	16	16	9,550,000	
835	18810620069	NGUYỄN ĐỨC	AN	14/03/2000	D13CODT1	3.7	82	3.22	Giỏi	20	20	8,750,000	
836	18810620156	ĐOÀN TIẾN	DŨNG	16/07/2000	D13CODT1	3.66	84	3.34	Giỏi	16	16	8,750,000	
837	18810620068	NGUYỄN NGỌC	THẮNG	05/05/2000	D13CODT2	3.63	80	3.33	Giỏi	16	16	8,750,000	
838	18810620005	LÊ ĐỨC	HIẾU	27/12/2000	D13CODT1	3.63	90	3.16	Xuất sắc	16	16	9,550,000	
839	18810620015	LÊ MINH	THÀNH	25/12/2000	D13CODT2	3.59	80	3.19	Giỏi	16	16	8,750,000	
840	18810620158	NGUYỄN ĐÌNH	KHOA	23/07/2000	D13CODT1	3.53	82	3.34	Giỏi	16	16	8,750,000	
841	18810620148	LÊ ĐỨC	HẬU	29/10/2000	D13CODT3	3.5	76	3.12	Khá	18	18	7,950,000	
842	18810620071	NGUYỄN ĐỨC	THÁI	18/11/2000	D13CODT2	3.48	81	3.08	Giỏi	20	20	8,750,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
843	18810620010	NGÔ ĐĂNG	KHOA	28/06/2000	D13CODT1	3.47	83	2.93	Giỏi	16	16	8,750,000	
844	18810620112	NGUYỄN VINH	QUANG	26/05/2000	D13CODT2	3.45	81	2.54	Giỏi	20	20	8,750,000	
845	18810410207	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	31/03/2000	D13CNKTDK	3.52	90	3.25	Giỏi	23	23	8,750,000	
846	18810000020	TẠ ĐÌNH	THÀNH	20/03/2000	CLC.D13CNKTDK	3.44	82	3.17	Giỏi	17	17	8,750,000	
847	18810410108	ĐOÀN VIỆT	GIANG	05/06/2000	D13CNKTDK	3.43	92	3.53	Giỏi	20	20	8,750,000	
848	18810410001	NGUYỄN THÀNH	DƯ	02/07/2000	D13CNKTDK	3.36	89	3.08	Giỏi	21	21	8,750,000	
849	18810000014	NGUYỄN TUẤN	ANH	16/02/2000	CLC.D13CNKTDK	3.24	89	2.89	Giỏi	17	17	8,750,000	
850	18810410220	NGUYỄN ĐÌNH	SƠN	07/06/2000	D13CNKTDK	3.18	89	3.11	Khá	17	17	7,950,000	
851	18810410041	LƯƠNG NGỌC	KHÁNH	12/10/2000	D13CNKTDK	3.15	82	3.22	Khá	20	20	7,950,000	
852	18810410052	PHẠM QUANG	NGỌC	12/06/2000	D13CNKTDK	3.15	82	2.94	Khá	20	20	7,950,000	
853	18810000016	DƯƠNG ĐỨC	MẠNH	13/05/2000	CLC.D13CNKTDK	3	88	2.69	Khá	17	17	7,950,000	
854	18810410070	NGUYỄN DUY	HÙNG	10/03/2000	D13CNKTDK	2.94	86	2.84	Khá	17	17	7,950,000	
855	18810510085	HOÀNG TRUNG	THÀNH	15/02/2000	D13DTVT	3.89	84	3.17	Giỏi	18	18	8,750,000	
856	18810510125	NGUYỄN THẾ	ANH	08/06/2000	D13DTVT	3.86	83	3	Giỏi	18	18	8,750,000	
857	18810510020	TRẦN NGỌC	MINH	22/08/2000	D13DTVT	3.83	83	3.34	Giỏi	18	18	8,750,000	
858	18810510038	NGUYỄN HUY	SƠN	09/01/2000	D13DTVT	3.81	83	3.04	Giỏi	18	18	8,750,000	
859	18810510087	NGUYỄN TOÀN PHÚC	TUÂN	28/04/2000	D13DTVT	3.78	83	3.19	Giỏi	18	18	8,750,000	
860	18810610053	BÙI VĂN	ĐẠT	14/04/2000	D13CKCTM	3.71	90	3.37	Xuất sắc	17	17	9,550,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
861	18810610051	HOÀNG PHƯƠNG	NAM	30/06/2000	D13CKCTM	3.59	88	2.92	Giỏi	17	17	8,750,000	
862	18810610012	BÙI ANH	DŨNG	07/02/2000	D13CKCTM	3.59	81	2.97	Giỏi	17	17	8,750,000	
863	18810610059	HUỲNH CÔNG	NGỌC	25/04/2000	D13CKCTM	3.56	83	2.91	Giỏi	17	17	8,750,000	
864	18810610050	ĐẶNG ĐÌNH	THÀNH	17/04/2000	D13CKCTM	3.53	81	2.87	Giỏi	17	17	8,750,000	
865	18810610027	NGUYỄN THÀNH	HƯNG	17/06/2000	D13CKCTM	3.53	87	2.74	Giỏi	17	17	8,750,000	
866	18810660052	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	23/09/2000	D13CNCTTBD	3.26	89	2.83	Giỏi	17	17	8,750,000	
867	18810660066	NGUYỄN THÀNH	CHUNG	04/09/2000	D13CNCTTBD	3.24	96	2.58	Giỏi	17	17	8,750,000	
868	18819100002	TRẦN XUÂN	THỊNH	24/04/2000	D13CNKTNL	2.8	65		Khá	23	23	7,950,000	
869	18819120027	LÊ QUÝ	BÁCH	28/08/2000	D13DIENLANH	3.5	95	3.59	Giỏi	20	20	8,750,000	
870	18819120040	PHẠM VĂN	QUANG	28/08/2000	D13DIENLANH	3.33	78	2.53	Khá	20	20	7,950,000	
871	18819120004	ĐẶNG ĐÌNH	TRƯỜNG	02/04/2000	D13DIENLANH	3.2	85	2.66	Giỏi	20	20	8,750,000	
872	18810540031	ĐÀO THỊ	NHUNG	08/01/2000	D13DT&KTMT	3.92	92	3.5	Xuất sắc	19	19	9,550,000	
873	18810540075	NGÔ QUỐC	NGOAN	29/03/2000	D13DT&KTMT	3.82	83	3.12	Giỏi	19	19	8,750,000	
874	18810540120	NGUYỄN ANH	QUÂN	26/09/2000	D13DT&KTMT	3.77	81	2.54	Giỏi	22	22	8,750,000	
875	18810540014	HỒ ANH	DŨNG	09/12/2000	D13DT&KTMT	3.76	85	3.09	Giỏi	19	19	8,750,000	
876	18810000076	NGUYỄN VĂN	DUY	11/05/2000	D13KTDT	3.21	86	2.77	Giỏi	19	19	8,750,000	
877	18810000099	NGÔ TUẤN	ANH	20/09/2000	D13KTDT	2.95	81	2.65	Khá	19	19	7,950,000	
878	18810230053	TRỊNH HỒNG	THẢO	28/03/1999	D13LOGISTICS	3.41	90	3.18	Giỏi	17	17	8,750,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
879	18810230031	TRẦN THỊ THANH	VÂN	24/08/2000	D13LOGISTICS	3.35	86	3.23	Giỏi	17	17	8,750,000	
880	18810230011	PHAN QUỲNH	NGA	04/12/2000	D13LOGISTICS	3.29	77	2.76	Khá	17	17	7,950,000	
881	18810230025	VŨ THỊ HỒNG	THÊU	17/10/2000	D13LOGISTICS	3.15	77	3.06	Khá	17	17	7,950,000	
882	18810230026	LÃ QUANG	NGỌC	29/09/2000	D13LOGISTICS	3.09	82	3.01	Khá	17	17	7,950,000	
883	18819110021	TRẦN TRUNG	HIẾU	21/09/2000	D13NHIET	3.29	89	2.66	Giỏi	21	21	8,750,000	
884	18819110018	NGUYỄN CÔNG	HÒA	08/08/2000	D13NHIET	3.26	90	3.18	Giỏi	21	21	8,750,000	
885	18810220018	NGUYỄN ĐỨC	THIỆN	22/10/2000	D13QLCN	3.84	85	3	Giỏi	19	19	8,750,000	
886	18810220019	ĐẶNG HOÀNG	NAM	20/01/2000	D13QLCN	3.42	86	2.94	Giỏi	19	19	8,750,000	
887	18810220016	PHẠM VIỆT	ANH	13/09/2000	D13QLCN	3.24	89	2.96	Giỏi	19	19	8,750,000	
888	18810210003	DƯƠNG THỊ NGỌC	ANH	01/10/2000	D13QLNL	3.89	91	3.52	Xuất sắc	19	19	9,550,000	
889	18810210020	HÀ HUYỀN	NGA	16/08/2000	D13QLNL	3.61	92	3.46	Xuất sắc	19	19	9,550,000	
890	18810320501	TRẦN ANH	ĐỨC	19/11/2000	D13QTANM	4	84	2.97	Giỏi	12	12	8,750,000	
891	18810340678	PHẠM THỊ	NGỌC	09/10/2000	D13QTANM	4	96	3.59	Xuất sắc	12	12	9,550,000	
892	18810320507	NGUYỄN TRUNG	HÒA	17/08/2000	D13QTANM	3.83	87	2.95	Giỏi	12	12	8,750,000	
893	18810320105	VI TRUNG	KIÊN	29/05/2000	D13QTANM	3.67	88	2.93	Giỏi	18	18	8,750,000	
894	18810320696	MAI TRỌNG	THUẦN	08/02/2000	D13QTANM	3.67	86	3.59	Giỏi	12	12	8,750,000	
895	18810170149	PHẠM ĐỨC	NHÂN	29/05/2000	D13TDHHTD	3.56	93	3.05	Giỏi	16	16	8,750,000	
896	18810170163	NGUYỄN VĂN	TUẤN	20/11/2000	D13TDHHTD	3.5	89	3.33	Giỏi	19	19	8,750,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
897	18810170072	LÊ TẤN	LẬP	02/09/2000	D13TDHHTD	3.5	83	2.91	Giỏi	16	16	8,750,000	
898	18810170009	PHẠM CAO	BẮC	16/09/2000	D13TDHHTD	3.44	89	3.06	Giỏi	16	16	8,750,000	
899	18810110060	TRẦN HOÀNG	ĐẠI	05/08/2000	D13TDHHTD	3.38	87	2.85	Giỏi	16	16	8,750,000	
900	18810170183	PHẠM ANH	QUÂN	24/10/2000	D13TDHHTD	3.34	86	2.31	Giỏi	19	19	8,750,000	
901	18810650001	NGUYỄN TRUNG	HẢI	01/09/2000	D13XDDD&CN	3.63	93	3.24	Xuất sắc	19	19	9,550,000	
902	18810650016	VŨ QUỐC	BẢO	11/10/2000	D13XDDD&CN	3.55	86	2.9	Giỏi	20	20	8,750,000	
903	18810650005	PHAN VĂN	HOÀNG	13/10/2000	D13XDDD&CN	3.53	86	2.99	Giỏi	19	19	8,750,000	
904	18810530091	LÊ VĂN	DƯƠNG	20/05/2000	D13DTYT	3.53	87	2.93	Giỏi	19	19	8,750,000	
905	18810530059	DƯƠNG MẠNH	TUẤN	21/08/2000	D13DTYT	3.26	94	3.13	Giỏi	19	19	8,750,000	
906	18810550041	NGUYỄN BÁ VIỆT	TÙNG	16/01/2000	D13DT&ROBOT	3.84	84	3.21	Giỏi	19	19	8,750,000	
907	18810810176	BÙI THỊ	HƯỜNG	28/11/2000	D13KTDN3	4	94	3.57	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
908	18810810067	VŨ HOÀNG	DIỆU	13/09/2000	D13KTDN1	4	93	3.4	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
909	18810810001	BÙI THU	TRANG	17/05/2000	D13KTDN1	4	92	3.32	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
910	18810810085	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	24/09/2000	D13KTDN1	4	92	3.7	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
911	18810830199	LÃ MAI	HỒNG	20/03/2000	D13KTDN1	4	92	3.27	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
912	18810810084	NGUYỄN ĐỨC	HÙNG	24/10/2000	D13KTDN1	4	92	2.67	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
913	18810810046	BÙI THỊ THU	HUYỀN	15/10/2000	D13KTDN1	4	91	3.74	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
914	18810810064	NGUYỄN THỊ THANH	BÌNH	22/12/2000	D13KTDN1	4	91	3.42	Xuất sắc	14	14	8,550,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
915	18810710092	VŨ THỊ VÂN	ANH	31/10/2000	D13QTDN1	4	99	2.95	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
916	18810710037	NGUYỄN THỊ	PHẤN	30/06/2000	D13QTDN1	4	98	3.09	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
917	18810710064	LÊ THỊ HƯƠNG	LY	28/03/2000	D13QTDN1	4	97	3.5	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
918	18810710076	NGUYỄN THỊ	HOÀI	05/11/2000	D13QTDN1	4	97	3.62	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
919	18810710030	NGUYỄN THỊ	NGA	18/05/2000	D13QTDN1	4	96	3.25	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
920	18810710001	VŨ THỊ THANH	PHƯƠNG	09/03/2000	D13QTDN1	4	94	3.32	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
921	18810710034	ĐOÀN THỊ DIỆU	LINH	01/03/2000	D13QTDN1	4	94	3.29	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
922	18810710005	PHẠM THỊ	MINH	05/11/2000	D13QTDN1	4	94	3.02	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
923	18810710055	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	13/08/2000	D13QTDN1	4	94	2.99	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
924	18810830057	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	28/10/2000	D13KT&KS	4	89	3.15	Giỏi	14	14	7,850,000	
925	18810830077	BÙI THỊ	HOA	03/01/2000	D13KT&KS	4	87	3.2	Giỏi	14	14	7,850,000	
926	18810830010	LÊ HỒNG	VI	13/11/2000	D13KT&KS	4	87	2.89	Giỏi	14	14	7,850,000	
927	18810850045	NGUYỄN THÀNH	LONG	30/04/2000	D13KIEMTOAN	4	97	3.07	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
928	18810850002	PHẠM THỊ CẨM	YẾN	23/08/2000	D13KIEMTOAN	4	94	3.58	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
929	18810850009	PHẠM THU	HÀ	14/09/2000	D13KIEMTOAN	4	94	3.32	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
930	18810840006	NGUYỄN HOÀNG	CÚC	10/11/1999	D13NGANHANG	3.26	89	2.67	Giỏi	19	19	7,850,000	
931	18810840027	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	14/08/2000	D13NGANHANG	3.15	82	2.82	Khá	20	20	7,150,000	
932	18810720140	VŨ THỊ	HÀ	03/11/2000	D13QTDLKS	4	98	3.63	Xuất sắc	14	14	8,550,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
933	18810710050	NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG	07/06/2000	D13QTDLKS	4	98	3.14	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
934	18810720198	ĐINH HƯƠNG	GIANG	11/04/2000	D13QTDLKS	4	96	3.29	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
935	18810720043	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	30/10/2000	D13QTDLKS	4	92	2.97	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
936	18810720186	TRỊNH KHÁNH	LINH	08/12/2000	D13QTDLKS	4	92	3.48	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
937	18810820041	NGUYỄN XUÂN	HẢI	27/09/2000	D13TCDN	4	96	3.26	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
938	18810820087	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	08/03/2000	D13TCDN	4	94	3.48	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
939	18810820103	HOÀNG HÀ	ANH	15/02/2000	D13TCDN	4	94	2.97	Xuất sắc	14	14	8,550,000	
Tổng												**7,887,150,000**	

Người lập biểu	Phòng CTSV	Phòng KHTC	Q. Hiệu trưởng
Trịnh Thị Hoàng	Nguyễn Tiến Thành	Nguyễn Đàm Minh Thông	Đinh Văn Châu

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC